

Bản án số: **09** /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22-3-2018.

“V/v xin ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thanh.

2. Bà Hoàng Nữ Hảo Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hồng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:
Ông Lê Phước Ngưỡng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố Huế, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 01/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2018 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Phạm Thị Thu H**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 480 đường CL, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Bị đơn: **Ông Nguyễn T (Nguyễn T)**, sinh năm 1963.

Địa chỉ: 12401 AHL, Jacksonville FL 32224, USA. Đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn của bà Phạm Thị Thu H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Phạm Thị Thu H và ông Nguyễn T quen nhau thông qua sự giới thiệu của người dì bà H định cư ở Hoa Kỳ vào năm 2014. Tìm hiểu nhau một thời gian ngắn thì quyết định đi đến kết hôn, được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/6/2015, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau khoảng 01 tháng thì ông T trở về Hoa Kỳ. Thời gian đầu hai người vẫn thường xuyên liên lạc với nhau. Ông T có làm thủ tục bảo lãnh bà H sang Hoa Kỳ để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được chấp nhận

do thiếu thủ tục giấy tờ. Do hoàn cảnh mỗi người sống một nơi, tình cảm ngày càng phai nhạt, giữa vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc với nhau nữa. Nay bà H thấy tình cảm không còn nên viết đơn xin ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Nguyễn T, quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, ngày 05/3/2018, Tòa án nhận được văn bản trả lời của ông với nội dung: Ông đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án số 09/TB-TLVA ngày 08/01/2018 và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ số 136/TB-TA ngày 16/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và một số tài liệu chứng cứ kèm theo (bản photo). Ông T thừa nhận lời khai của bà H về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung là hoàn toàn đúng sự thật. Ông Nguyễn T đồng ý ly hôn với bà Phạm Thị Thu H, về con chung, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do điều kiện ở xa nên ông không thể sắp xếp về Việt Nam để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cũng như tham gia phiên tòa. Ông T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét ông Nguyễn T có văn bản gửi Tòa án với nội dung đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn T.

[2] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự không có vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 122; khoản 1 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Chấp nhận cho bà Phạm Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung bà H và ông T đều khai không có và không yêu cầu, đề nghị Tòa án không phải giải quyết.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Thu H, thấy rằng:

Bà Phạm Thị Thu H và ông Nguyễn T (Nguyễn T) kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/6/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau một thời gian ngắn thì ông Nguyễn T trở về Hoa Kỳ. Ông T có làm thủ tục bảo lãnh bà H nhưng

không được chấp nhận. Do hoàn cảnh vợ chồng sống xa cách không có điều kiện gần gũi, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên tình cảm ngày càng phai nhạt. Việc bà Phạm Thị Thu H xin ly hôn ông Nguyễn T cũng đồng ý.

Xét khả năng bà H và ông T đoàn tụ để sống với nhau hạnh phúc là rất khó, tình cảm đã phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho bà Phạm Thị Thu H được ly hôn ông Nguyễn T như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Thu H khai và ông Nguyễn T cũng thừa nhận không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 122; khoản 1 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phạm Thị Thu H được ly hôn ông Nguyễn T (Nguyễn T).

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Thu H khai và ông Nguyễn T thừa nhận không có và không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Thu H phải chịu 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 005325 ngày 05/01/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bà Phạm Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn T (Nguyễn T) có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

Nguyễn Thanh Lộc